

Số: 02/2019/QĐST-HNGĐ

Cẩm X, ngày 04 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu công nhận cha cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM XUYÊN, TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Minh T.

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Diệu Th

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Cẩm X, tỉnh Hà T mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 92/2019/TLST-VHNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2019 về việc “Yêu cầu công nhận cha cho con” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân gia đình số: 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019.

- Người yêu cầu: Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1980 – có mặt
Địa chỉ: Thôn Sơn Tr, xã Cẩm Th, huyện Cẩm X, tỉnh Hà T

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

1. Ông Hà Văn Q, sinh năm 1969 – vắng mặt, có đơn xin vắng mặt
Địa chỉ: Thôn Sơn Trung, xã Cẩm Th, huyện Cẩm X, tỉnh Hà T

2. Anh Hà Văn B, sinh năm 1972 – vắng mặt, có đơn xin vắng mặt
Địa chỉ: Thôn Sơn Trung, xã Cẩm Th, huyện Cẩm X, tỉnh Hà T

3. Anh Hà Văn B, sinh năm 1979 – vắng mặt, có đơn xin vắng mặt
Địa chỉ: Thôn Tân Thuận, xã Cẩm Th, huyện Cẩm X, tỉnh Hà T

4. Anh Hà Văn B, sinh năm 1982 – vắng mặt, có đơn xin vắng mặt
Địa chỉ: Thôn Tiến Thắng, xã Cẩm Th, huyện Cẩm X, tỉnh Hà T

5. Anh Hà Văn B, sinh năm 1971 – vắng mặt, có đơn xin vắng mặt
Địa chỉ: Thôn 6, xã Đức L, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Ph

6. Anh Hà Văn B, sinh năm 1984 – vắng mặt, có đơn xin vắng mặt
Địa chỉ: Thôn 6, xã Đức L, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Ph

7. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1941 – vắng mặt, có đơn xin vắng mặt
Địa chỉ: Thôn Sơn Trung, xã Cẩm Th, huyện Cẩm X, tỉnh Hà T

8. Bà Nguyễn Thị L – vắng mặt, có đơn xin vắng mặt
Địa chỉ: Thôn Sơn Trung, xã Cẩm Th, huyện Cẩm X, tỉnh Hà T

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu đề ngày 16/6/2019 và tại phiên họp, chị Nguyễn Thị Nh trình bày: Vào năm 1979 bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ chị Nguyễn Thị Nh) có gặp và có quan hệ tình cảm với ông Hà Văn H, sinh năm 1941, trú tại: xã Cẩm Th, huyện Cẩm X, tỉnh Hà T và sinh ra chị Nguyễn Thị Nh. Vì lúc đó ông Hà Văn H đã có gia đình nên bà Nguyễn Thị T khai sinh cho chị Nh theo họ mẹ. Sau khi ông Hà Văn H mất, chị Nh thường xuyên đi lại với các con của ông H, anh em họ tộc họ Hà và được các con của ông H, anh em họ tộc họ Hà công nhận chị là con của ông Hà Văn H. Nay chị yêu cầu tòa án công nhận chị là con của ông Hà Văn H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày: Vào năm 1979, bà có quan hệ tình cảm với ông Hà Văn H, trú tại: xã Cẩm Th, huyện Cẩm X, tỉnh Hà T và sinh ra chị Nguyễn Thị Nh. Vì lúc đó ông Hà Văn H đã có gia đình nên bà khai sinh cho chị Nh theo họ mẹ. Nguyên vọng của bà là muốn chị Nh được nhận ông H làm cha để tiện qua lại với anh em họ tộc Hà và cải chính sang họ cha. Bà cam đoan tất cả những nội dung trên là hoàn toàn sự thật có gì sai sót bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hà Văn Q, Hà Văn B, Hà Văn B, Hà Văn B, Hà Văn B và Hà Văn B (đều là con đẻ ông Hà Văn H), bà Nguyễn Thị L (vợ ông Hà Văn H) đều trình bày và thừa nhận: Ông Hà Văn H và bà Nguyễn Thị L có sáu người con là ông Q, ông B, ông B, ông B, ông B và ông B. Tuy nhiên, ông Hà Văn H có quan hệ tình cảm và có một người con riêng với bà Nguyễn Thị T có địa chỉ tại xã Cẩm Th, huyện Cẩm X, tỉnh Hà T là chị Nguyễn Thị Nh. Nay nguyên vọng của chị Nh muốn được Tòa án công nhận ông Hà Văn H là cha ruột, thì ông Q, ông B, ông B, ông B, ông B và ông B; bà Nguyễn Thị L đều hoàn toàn đồng ý vì trên thực tế giữa các ông, bà và chị Nh đã thường xuyên đi lại, thừa nhận chị Nh là con của ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm X, tỉnh Hà T tham gia phiên họp phát biểu ý kiến: Về sự tuân theo pháp luật tố tụng đối với vụ án, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự pháp luật, giải quyết đúng thẩm quyền, đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình và căn cứ Khoản 10 điều 29, Điều 366, 367, 369, 370, 371, 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 90, Khoản 2 Điều 101, Khoản 2 Điều 102 Luật hôn nhân và gia đình công nhận ông Hà Văn H là cha đẻ của chị Nguyễn Thị Nh; buộc chị Nh phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Cẩm X, tỉnh Hà T nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc hôn nhân gia đình của chị Nguyễn Thị Nh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Cẩm X theo quy định tại điểm Khoản 10 Điều 29, điểm t Khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, tại thời điểm yêu cầu, người được yêu cầu là ông Hà Văn H đã chết nên việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 2 Điều 101 Luật hôn nhân và gia đình.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Hà Văn Q, Hà Văn B, Hà Văn B, Hà Văn B, Hà Văn B và Hà Văn B (đều là con đẻ ông Hà Văn H); bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị L (vợ ông Hà Văn H) đều có đơn xin giải quyết vắng mặt, căn cứ vào Khoản 2 Điều 367 BLTTDS Tòa án giải quyết theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị Nh về việc yêu cầu công nhận ông Hà Văn H là cha đẻ của chị; Biên bản thỏa thuận về việc công nhận chị Nguyễn Thị Nh là con của ông Hà Văn H; Biên bản họp họ tộc họ Hà; Văn bản thống nhất họ tộc; Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương và các bản tự khai, biên bản lấy lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết việc dân sự, thấy rằng: Bà Nguyễn Thị T thừa nhận, vào năm 1979 bà gặp và có quan hệ tình cảm với ông Hà Văn H, trú tại: xã Cẩm Th, huyện Cẩm X, tỉnh Hà T và sinh ra chị Nguyễn Thị Nh, lúc đó ông Hứa đã lập gia đình nên khi đi làm thủ tục khai sinh cho chị Nh, bà để chị Nh mang họ mẹ, bà cam đoan tất cả những nội dung trên hoàn toàn đúng sự thật có gì sai sót bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Thực tế chị Nh và các con của ông Hà Văn H, họ tộc họ Hà đã thường xuyên qua lại với nhau như một người nhà; các con của ông H đều nhất trí như trình bày của bà Nguyễn Thị T và thừa nhận chị Nguyễn Thị Nh là con của ông Hà Văn H, mong muốn Tòa án công nhận chị Nh là con đẻ của ông H. Bà Nguyễn Thị L (là vợ của ông h) cũng xác nhận chị Nh là con riêng của ông H và bà T. Mặt khác, qua xác minh tại xã Cẩm Th, huyện Cẩm X, tỉnh Hà T thì từ trước đến nay bà Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị Nh đăng ký hộ khẩu tại địa phương; bà Nguyễn Thị T là người đăng ký khai sinh cho chị Nh; tại thời điểm giải quyết việc dân sự, UBND xã Cẩm Th xác nhận ông Hà Văn H đã mất; ông và bà Nguyễn Thị L có 06 người con như các đương sự đã trình bày.

Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Nh về việc yêu cầu Tòa án công nhận ông Hà Văn H là cha đẻ của mình.

[3] Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị Nh chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm Khoản 10 Điều 29, Điểm t khoản 2 Điều 39, Khoản 1 Điều 149, Điều 366, Khoản 2 Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 90, Khoản 2 Điều 101, Khoản 2 Điều 102 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 36, Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

2. Chấp nhận yêu cầu công nhân cha cho con của chị Nguyễn Thị Nh. Tuyên bố ông Hà Văn H, sinh năm 1941 (đã chết) có nơi cư trú cuối cùng tại Thôn Sơn Trung, xã Cẩm Th, huyện Cẩm X, tỉnh Hà T là cha đẻ của chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1980; trú tại: Thôn Sơn Tr, xã Cẩm Th, huyện Cẩm X, tỉnh Hà T.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thị Nh có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm lại thủ tục cải chính hộ tịch theo quy định của pháp luật.

3. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu 300.000đồng tiền lệ phí việc hôn nhân gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự đã nộp theo biên lai số 0003305 ngày 11/06/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm x, tỉnh Hà T

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết; Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Hà T;
- VKSND huyện Cẩm X;
- Chi cục THA.DS huyện Cẩm X;
- UBND xã Cẩm Th;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Trần Thị MT

